TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111**/2023/HS-ST
Ngày: 11/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Hải

2. Ông Nguyễn Minh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2023/TLST- HS ngày 18 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

L.V.Tr, sinh ngày 01/5/1990 tại huyện Đ.T, tỉnh T.N; nơi cư trú: Xóm T.N, xã Y.L, huyện Đ.T, tỉnh T.N; Dân tộc: Dao; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: L.V.B, sinh năm 1970; con bà: N.T.LH, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 03/2017/HSST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh T.Q xử phạt 01 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". (Ngày 28/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 29/9/2017 đã nộp án phí).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q. (*Có mặt)*

Bị hại: Anh T.V.B, sinh năm 1984; trú tại: Thôn T.T, xã L.T, huyện S.D, tỉnh T.Q. (*Có mặt)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh N.Q.L, sinh năm 1999; trú tại: Xóm Đ.M, xã T.H, huyện Đ.T, tỉnh T.N. *(Vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 15/6/2023 L.V.Tr là người sử dụng ma túy do không có tiền mua ma túy nên đã nảy sinh ý định đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Tr đi bộ đến thôn T.T, xã L.T, huyện S.D, tỉnh T.Q phát hiện chiếc xe mô tô biển số 22S1-189.39 của anh T.V.B dựng trong sân nhà, Tr quan sát thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, nhà anh Biển chưa đi ngủ, Tr đi ra khu vực đường cách đó khoảng 20m ngồi đợi. Khoảng 03 giờ ngày 16/6/2023 thấy nhà anh Biển tắt điện, Tr đi vào sân dắt chiếc xe mô tô ra đường đi xuống dốc, nổ máy điều khiển xe đến khu vực cổng nhà máy may TNG thuộc xã Y.L, huyện Đ.T, tỉnh T.N, Tr dừng xe máy mở cốp kiểm tra bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên T.V.B; 01 căn cước công dân mang tên T.V.B; 01 căn cước công dân mang tên Lương Thị Nga (vợ anh Biển); 01 thẻ Ngân hàng Agribank mang tên Lương Thị Nga; 03 giấy chứng nhận bảo hiểm của chủ xe mô tô mang tên T.V.B; 01 thẻ hội viên Hội nông dân Việt Nam mang tên T.V.B; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lương Thị Nga; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên T.V.B. Sau đó Tr điều khiển xe mang đi bán tại các cửa hàng xe máy trên địa bàn huyện Đ.T, tỉnh T.N nhưng không ai mua. Khoảng 07 giờ cùng ngày, Tr đến cửa hàng ký gửi tài sản của anh N.Q.L tại xóm Đ.M, xã T.H, huyện Đ.T, tỉnh T.N nói với anh Linh *"Con em đang nằm viện cần tiền gấp, anh cho em vay 3.000.000đ, em để lại chiếc xe làm tin, một tuần sau em quay lại lấy"*. Linh kiểm tra xe có giấy tờ đầy đủ nên đồng ý và yêu cầu Tr viết giấy vay tiền, Tr ghi trong giấy vay tiền tên là Nguyễn Văn Tuấn, trú tại thôn Đèo, xã Y.L, huyện Đ.T mục đích để che giấu hành vi trộm cắp của mình. Sau khi nhận được tiền Tr đi xe ô tô khách về nhà đến khu vực xóm Đồi Cây, xã Y.L, huyện Đ.T, Tr mua ma túy của một người nam giới (không xác định được tên tuổi, địa chỉ) sau đó sử dụng hết. Ngày 16/6/2023 anh T.V.B trình báo sự việc đến Công an xã L.T, ngày 19/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an triệu tập Tr đến trụ sở làm việc, Tr đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 19/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện S.D kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α màu sơn xanh đen bạc, biển số 22S1-189.39 tại thời điểm bị mất trị giá 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*).

Về vật chứng: Ngày 19/6/2023 anh N.Q.L giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α màu sơn xanh đen bạc, biển số 22S1-189.39 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên T.V.B; cùng ngày, L.V.Tr giao nộp 01 căn cước công dân mang tên T.V.B; 01 căn cước công dân mang tên Lương Thị Nga (vợ anh Biển); 01 thẻ Ngân hàng Agribank mang tên Lương Thị Nga; 03 giấy chứng nhận bảo hiểm của chủ xe mô tô mang tên T.V.B; 01 thẻ hội viên Hội nông dân Việt Nam mang tên T.V.B; 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lương Thị Nga; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên T.V.B. Ngày 07/7/2023 Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô biển số 22S1-189.39 và toàn bộ giấy tờ đã thu giữ cho anh T.V.B.

Cáo trạng số 113/CT-VKSSD, ngày 17/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố L.V.Tr về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo L.V.Tr phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L.V.Tr từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/6/2023).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo trả cho anh N.Q.L số tiền 3.000.000đ.

Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo L.V.Tr thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, kết luận định giá, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 16/6/2023 tại thôn T.T, xã L.T, huyện S.D, tỉnh T.Q, L.V.Tr đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave α màu sơn xanh đen bạc, biển số 22S1-189.39 trị giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng) của anh T.V.B.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố L.V.Tr về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, để có tiền mua ma túy sử dụng bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo là lao động tự do, là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự và các vấn đề liên quan: Bị hại T.V.B đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh N.Q.L yêu cầu bị cáo hoàn trả cho anh số tiền 3.000.000đ. Bị cáo Tr nhất trí với yêu cầu của anh Linh. HĐXX xét thấy yêu cầu của anh Linh là phù hợp nên chấp nhận, buộc bị cáo Tr phải trả cho anh Linh số tiền 3.000.000đ.

Khi nhận cắm xe anh Linh không biết xe mô tô là do bị cáo phạm tội mà có. Do vậy HĐXX không xem xét.

[6] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS;

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584; 585; 586; 589; 357 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

- Tuyên bố: Bị cáo **L.V.Tr** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **L.V.Tr 01 (một)** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/6/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L.V.Tr có nghĩa vụ trả cho anh N.Q.L số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Linh có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*);

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Sơn Hải - Nguyễn Minh Hùng	**Hoàng Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T.Q;*
- *VKSND tỉnh T.Q;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh;*
- *VKSND huyện S.D;*
- *Cơ quan CSĐT CA huyện SD;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;*
- *UBND xã Y.L;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Nguyễn Minh Hùng – Trần Hữu Lượng	**Hoàng Thị Minh Khánh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Khánh